

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	18.6%	198.0%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	11.5%	-	3.4%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	5.3%	-	26.5%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	14.2%	187.3%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	-	10.1%	47.2%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	8.2%	44.4%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	35.1%	55.0%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	137.7%	166.6%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	20.7%	95.3%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	54.0%	170.3%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	5.5%	-	144.1%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	38.9%	76.5%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	42.6%	84.3%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	23.9%	104.1%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	11.3%	35.4%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	-	4.3%	51.3%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 – 28,000	46,000	21,900	1:3	-2.9%
TNG	24/08/21	25,460 – 26,850	35,180	24,000	1:3	15.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	6.9%
BWE	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	34.7%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	65.0%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	28.9%
VND*	09/06/21	32,280 – 35,100	50,140	29,460	1:2.7	131.1%
DPG*	31/05/21	27,500 – 28,929	43,571	25,000	1:4	212.8%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	28.1%
BID	28/05/21	46,000 – 48,500	65,000	42,500	1:3	-6.5%
SSI*	20/05/21	25,100 – 26,950	35,250	23,100	1:2	104.1%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	26.8%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	36.6%
SMC*	11/05/21	34,800 – 37,500	50,000	31,000	1:2	22.0%
BCG*	12/04/21	13,800 – 14,400	20,300	12,500	1:3	93.8%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	154.5%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	45.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	182.5%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	46.0%
TTF	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	54.7%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-7.2%
VCB	18/03/21	96,300 – 98,500	125,000	94,000	1:6	8.7%
GEG	08/03/21	16,550 – 17,650	25,700	15,455	1:4	11.6%
FCN	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	18.4%
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	8.8%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	137.7%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	24.4%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	51.9%
CCL*	17/02/21	10,000 – 11,000	18,000	8,700	1:3	51.4%
SAM*	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200	1:5	73.6%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	58.6%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	48.0%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	39.0%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	131.6%
PGV*	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	146.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	326.0%
DRI*	20/10/20	4,430 – 4,930	9,930	3,630	1:4	238.7%

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường mở cửa tích cực và duy trì đà tăng tốt trong buổi sáng, sau đó có phần suy yếu hơn trong buổi chiều nhưng vẫn duy trì biên độ tăng khá vững chắc.

Tương quan tăng giảm nhìn chung nghiêng về phía tăng trên toàn thị trường cũng như khắp các nhóm vốn hóa. Nhóm Ngân hàng phân hóa hơn với nhiều mã giảm như BID, TCB, HDB, CTG... và dù vẫn tác động tích cực đến VNINDEX nhưng mức độ thì xếp sau nhóm Bất động sản với nhiều mã tăng mạnh. Các cổ phiếu nhóm Chứng khoán cũng có phiên giao dịch tích cực với nhiều mã tăng tốt.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 25/11/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất ngày, đóng cửa cao hơn mở cửa không quá nhiều và thấp hơn mức cao nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước và thấp hơn trung bình.

- ⇒ Khối lượng giao dịch suy giảm đáng kể và biên độ dao động ngày thu hẹp lại cho thấy lực mua đẩy giá cao đã suy yếu so với ngày hôm trước, và với việc khối lượng giao dịch ở mức dưới trung bình (ngày liền trước cũng chỉ ở mức trung bình) thì cho thấy khả năng cao hơn vẫn là dòng tiền ở giai đoạn hiện tại chưa đủ mạnh để đẩy VNINDEX đi tiếp.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,380 – 1,400
Kháng cự	1460 – 1,480

TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CTG VN

Theo nguồn tin Bloomberg, Vietinbank (HoSE: CTG) sẽ nhận khoản vay hợp vốn giá trị 1 tỷ USD từ 20 bên. Đây là thương vụ vay hợp vốn thứ hai của Vietinbank trong năm nay, sau khoản vay 790 triệu USD vào tháng 8. Bốn bên đồng chỉ định thu xếp, bảo lãnh và dựng sổ chính, gồm UOB 300 triệu USD, SMBC 100 triệu USD, Taipei Fubon 100 triệu USD và HSBC 48 triệu USD.

CTCP Chứng khoán SSI - SSI VN

Lợi nhuận trước thuế cả năm 2021 của CTCP Chứng khoán SSI ước đạt 3.000 tỷ đồng – vượt xa so với kế hoạch năm là 1.870 tỷ đồng và gần gấp đôi so với kết quả 1.558 tỷ đồng của năm 2020.

Trong 9 tháng đầu năm, SSI đạt 2.112 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, như vậy lợi nhuận của quý 4 ước khoảng 900 tỷ đồng, nhỉnh hơn một chút so với mức 848 tỷ đồng của quý 3.

CTCP Cao su Phước Hòa – PHR VN

CTCP Cao su Phước Hòa (mã chứng khoán PHR) công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức còn lại năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 cho cổ đông.

Theo đó Cao su Phước Hòa quyết định sẽ chi cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 20% cho cổ đông trước ngày 15/12/2021. Đồng thời công ty cũng sẽ thực hiện việc tạm ứng cổ tức năm 2021 cho cổ đông bằng tiền tỷ lệ 25% trước ngày 20/12/2021.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
MHP	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	26/11/2021	26/11/2021	26/10/2021
V21	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	26/11/2021	29/11/2021	26/11/2021
VPR	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	26/11/2021	29/11/2021	26/11/2021
BSR	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	26/11/2021	29/11/2021	26/11/2021
HWS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	26/11/2021	29/11/2021	26/11/2021
DOC	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	26/11/2021	29/11/2021	26/11/2021
DHC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	26/11/2021	29/11/2021	26/11/2021
HTV	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (1.000 đ/cp)	26/11/2021	29/11/2021	23/12/2021
TCO	HSX	ĐHĐCĐ trực tuyến bất thường lần 2 năm 2021			27/11/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

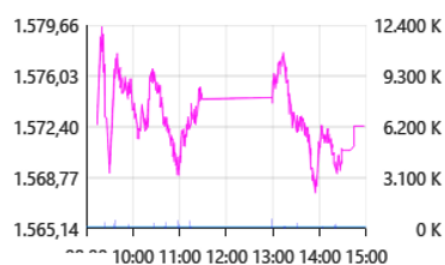
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,500.81	0.80%	11.94	1,014.18	31,799.9	266	56	189
Vn30 - Index	1,572.46	0.46%	7.17	272.67	12,921.6	17	2	11
Vn - Mid	2,086.48	1.93%	35.59	330.25	10,375.0	47	2	21
VN - Small	2,056.61	1.37%	27.77	200.06	4,206.6	98	23	70
HNX - Index	459.67	0.90%	4.09	106.57	3,124.7	124	63	151
Upcom - Index	114.61	-0.03%	-0.03	87.03	2,006.2	208	74	141

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

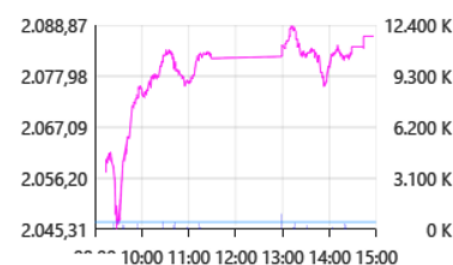
VN-INDEX



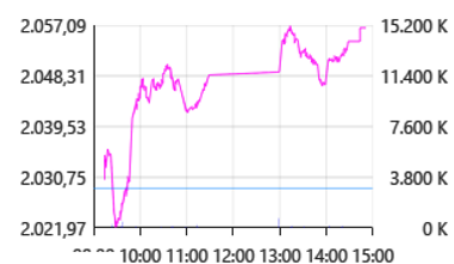
VN30



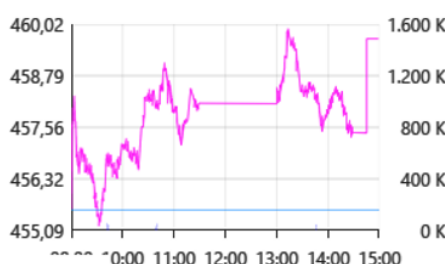
VN-MID



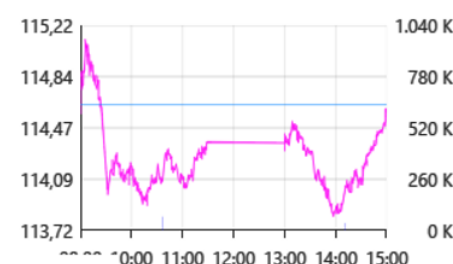
VN-SMALL



HNX-INDEX



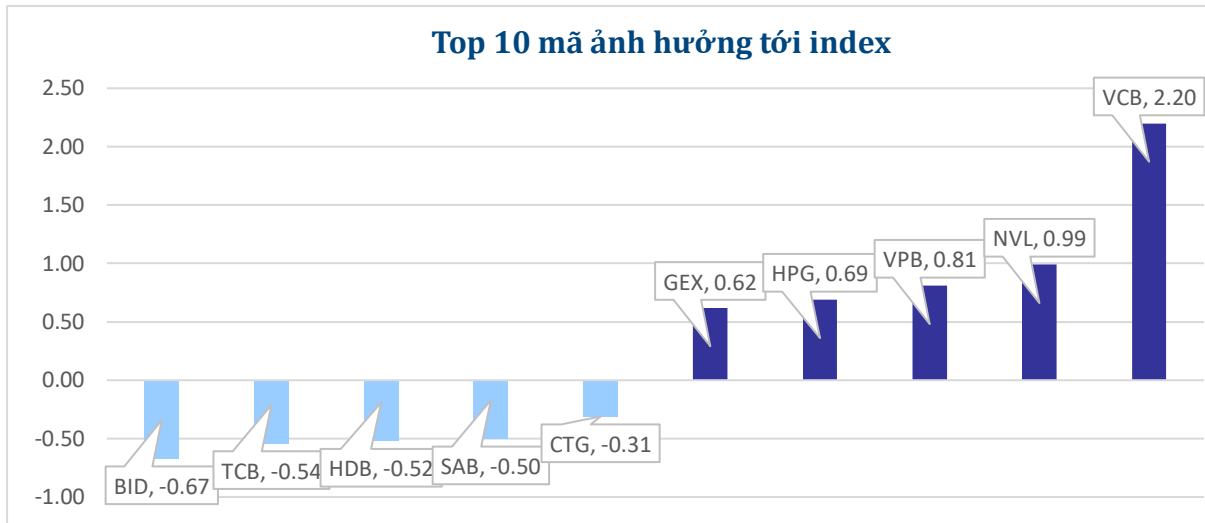
UPCOM



THANH KHOẢN NGÀY

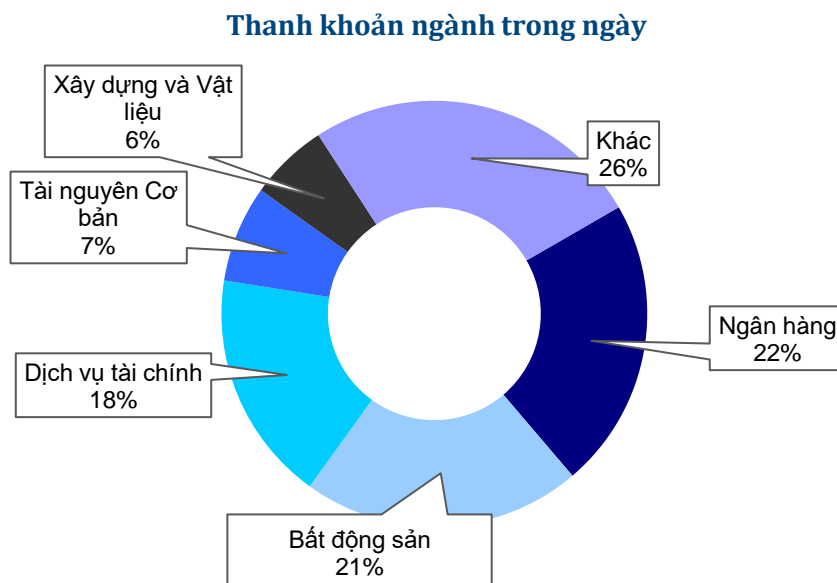
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	31,799.90	-11.34%	1,014.18	-9.20%
HNX	3,124.70	0.43%	106.57	0.10%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



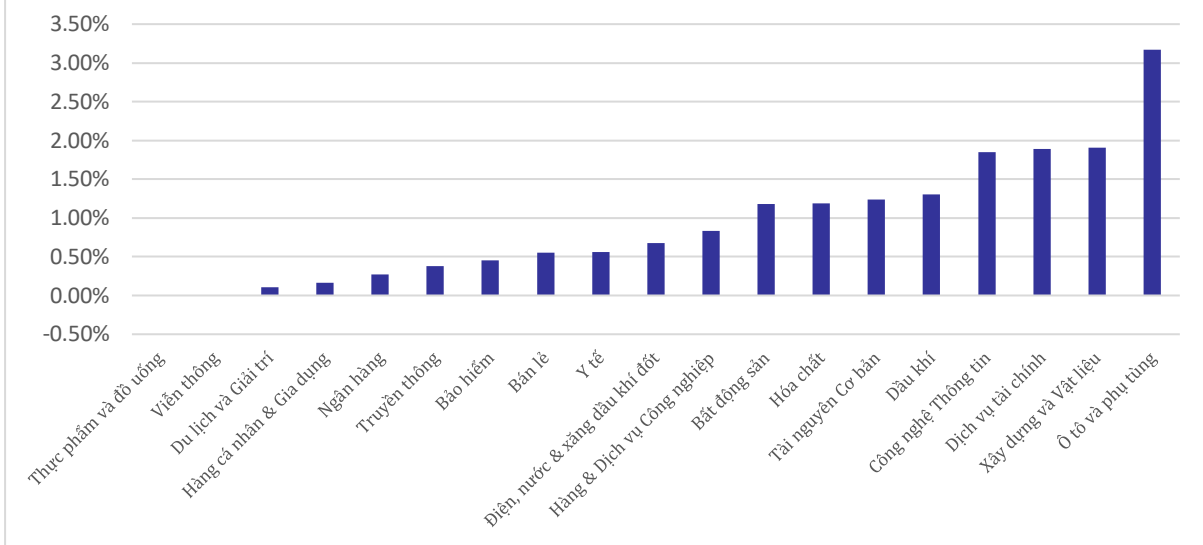
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
FLC	35.33	SSI	1,379.6	VIX	304%	GEX	7.0%	TTA	-5.5%
VPB	32.49	VPB	1,235.8	TCH	269%	DIG	7.0%	HDB	-3.0%
TCH	32.44	HPG	1,067.9	FPT	265%	CKG	7.0%	TDH	-2.9%
STB	28.51	TCB	993.5	VPB	233%	TCH	6.9%	TCD	-2.7%
SSI	25.42	STB	877.5	DXG	178%	DXG	6.9%	HAX	-2.5%

NHÓM NGÀNH





Biến động các nhóm ngành trong ngày

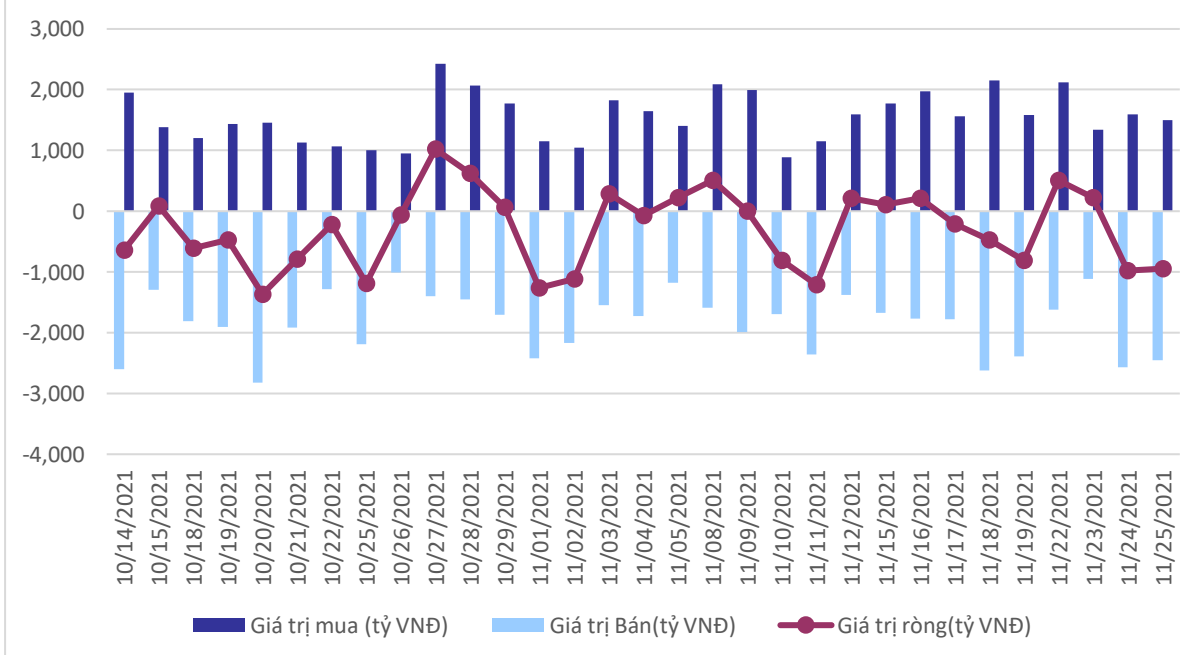


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 949.94 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 21.92 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
STB	72.62	VPB	346.19
CTG	57.52	HPG	194.98
VCB	57.37	MSN	144.45
KBC	47.48	TCH	108.39
VHC	38.97	VHM	93.36

Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đình Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: www.gtjai.com.vn		